

Trường Đại học Bách khoa TP.HCM
 Đáp án kiểm tra học kỳ I, 2010 – 2011 (11 / 12 / 2010)
 207701 – Cấu trúc người máy lập trình được

Câu 1 (3.5 điểm)a. Xác định ${}^R_A\mathbf{T}$.Khi quay xung quanh trục Y_R một góc -90° , ta có

$$\mathbf{R}_Y(-90^\circ) = \begin{bmatrix} 0 & 0 & -1 & 0 \\ 0 & 1 & 0 & 0 \\ 1 & 0 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix} \quad (0.5 \text{ đ})$$

Khi quay xung quanh trục X_R một góc 90° , ta có

$$\mathbf{R}_X(90^\circ) = \begin{bmatrix} 1 & 0 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & -1 & 0 \\ 0 & 1 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix} \quad (0.5 \text{ đ})$$

Vậy sau khi thực hiện 2 bước quay theo thứ tự yêu cầu, ta có:

$${}^R_A\mathbf{T} = \mathbf{R}_X(90^\circ) \mathbf{R}_Y(-90^\circ) = \begin{bmatrix} 1 & 0 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & -1 & 0 \\ 0 & 1 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix} \begin{bmatrix} 0 & 0 & -1 & 0 \\ 0 & 1 & 0 & 0 \\ 1 & 0 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} 0 & 0 & -1 & 0 \\ -1 & 0 & 0 & 0 \\ 0 & 1 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix} \quad (0.5 \text{ đ})$$

b. Xác định trục xoắn tương đương

Theo công thức xác định trục quay tương đương

$$\theta = \arccos \left(\frac{r_{11} + r_{22} + r_{33} - 1}{2} \right)$$

$$\hat{\mathbf{K}} = \frac{1}{2\sin\theta} \begin{bmatrix} r_{32} - r_{23} \\ r_{13} - r_{31} \\ r_{21} - r_{12} \end{bmatrix}$$

Từ biểu thức ở câu a, ta có: $r_{11} = r_{22} = r_{33} = 0$; $r_{32} - r_{23} = 0$; $r_{13} - r_{31} = 0$; $r_{21} - r_{12} = 1$

Thế vào hai biểu thức trên, suy ra

$\theta = \arccos(-0.5)$, và chọn giá trị góc dương $\theta = 120^\circ$

$$\mathbf{K} = \frac{1}{\sqrt{3}} \begin{bmatrix} 1 \\ -1 \\ -1 \end{bmatrix} \quad (0.5 \text{ đ})$$

c. Xác định ${}^B_A\mathbf{T}$.

$${}^B_A\mathbf{T} = {}^B_R\mathbf{T} {}^R_A\mathbf{T}$$

Ta có ${}^B_R\mathbf{T} = \begin{bmatrix} 1 & 0 & 0 & 4 \\ 0 & 1 & 0 & 6 \\ 0 & 0 & 1 & 2 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix}$ suy ra ${}^B_R\mathbf{T} = \begin{bmatrix} 1 & 0 & 0 & -4 \\ 0 & 1 & 0 & -6 \\ 0 & 0 & 1 & -2 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix}$ và thế vào biểu thức trên. (0.5 đ)

$${}^B_A\mathbf{T} = \begin{bmatrix} 1 & 0 & 0 & -4 \\ 0 & 1 & 0 & -6 \\ 0 & 0 & 1 & -2 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix} \begin{bmatrix} 0 & 0 & -1 & 0 \\ -1 & 0 & 0 & 0 \\ 0 & 1 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} 0 & 0 & -1 & -4 \\ -1 & 0 & 0 & -6 \\ 0 & 1 & 0 & -2 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix} \quad (0.5 \text{ đ})$$

d. Xác định ${}^B\mathbf{p}$ – mô tả tọa độ của điểm P trong hệ {B}.

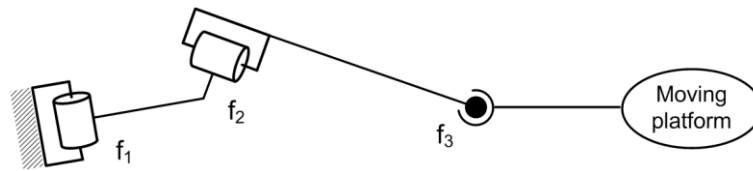
$${}^B\mathbf{p} = \begin{bmatrix} 0 & 0 & -1 & -4 \\ -1 & 0 & 0 & -6 \\ 0 & 1 & 0 & -2 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix} \begin{bmatrix} 1 \\ 1 \\ 1 \\ 1 \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} -5 \\ -7 \\ -1 \\ 1 \end{bmatrix} \quad (0.5 \text{ đ})$$

Câu 2 (2.0 điểm)

a. Nêu vài đặc điểm cấu tạo của robot này. (0.5 đ)

- Robot song song
- Dẫn động bằng động cơ điện
- Làm việc trong không gian

b. Vẽ sơ đồ động học thể hiện mối liên kết khâu – khớp cho một chân. (0.5 đ)



- c. Viết công thức tính bậc tự do và giải thích tất cả các thành phần trong công thức.
Theo công thức Grubler/Kutzbach

$$F = \lambda(n - j - 1) + \sum_{i=1}^j f_i$$

- với F : số bậc tự do của cơ cấu
 f_i : số chuyển động tương đối cho phép bởi khớp i
 j : tổng số khớp trong cơ cấu
 n : tổng số khâu trong cơ cấu (kể cả khâu cố định)
 λ : số bậc tự do của không gian mà cơ cấu hoạt động (0.5 đ)

- d. Áp dụng công thức ở trên và tính số bậc tự do cho cơ cấu robot.

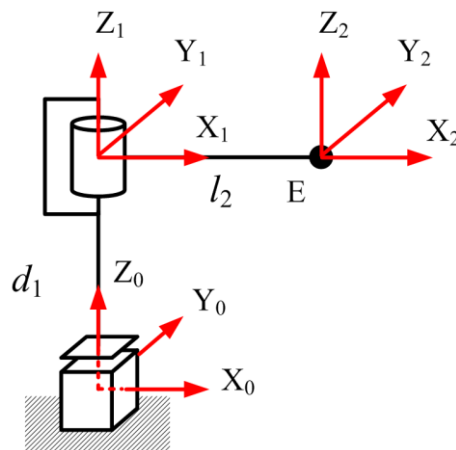
$$f_1 = 1; f_2 = 1; f_3 = 3$$

$$j = 9; n = 8; \lambda = 6$$

Áp dụng công thức trên, suy ra $F = 6(8 - 9 - 1) + 3(1 + 1 + 3) = 3$ (0.5 đ)

Câu 3 (3.5 điểm)

- a. Thiết lập hệ tọa độ cho khâu 1 (0.5 đ)



- b. Lập bảng các thông số D-H

Với các hệ tọa độ được thiết lập ở câu a.

- Điền đầy đủ 4 tham số D-H của khâu 1 (0.5 đ)

- Điền đầy đủ 4 tham số D-H của khâu 2 (0.5 đ)

i	α_i	a_i	d_i	θ_i
1	0	0	d_1	0
2	0	l_2	0	θ_2

c. Xác định biểu thức tọa độ điểm E (${}^0x_E, {}^0y_E, {}^0z_E$)

- Thiết lập đúng ${}^0\mathbf{T}_1$ và ${}^1\mathbf{T}_2$ (0.5 đ)

$${}^0\mathbf{T}_1 = \begin{bmatrix} 1 & 0 & 0 & 0 \\ 0 & 1 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 1 & d_1 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix} \quad {}^1\mathbf{T}_2 = \begin{bmatrix} \cos \theta_2 & -\sin \theta_2 & 0 & l_2 \cos \theta_2 \\ \sin \theta_2 & \cos \theta_2 & 0 & l_2 \sin \theta_2 \\ 0 & 0 & 1 & 0 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix}$$

Từ đó, ta có:

(0.25 đ)

$${}^0\mathbf{T}_2 = {}^0\mathbf{T}_1 {}^1\mathbf{T}_2 = \begin{bmatrix} \cos \theta_2 & -\sin \theta_2 & 0 & l_2 \cos \theta_2 \\ \sin \theta_2 & \cos \theta_2 & 0 & l_2 \sin \theta_2 \\ 0 & 0 & 1 & d_1 \\ 0 & 0 & 0 & 1 \end{bmatrix}$$

Do điểm E chính là gốc tọa độ của {2}, nên tọa độ điểm E trong hệ tọa độ {0} là:

$$\begin{aligned} {}^0x_E &= l_2 \cos \theta_2 \\ {}^0y_E &= l_2 \sin \theta_2 \\ {}^0z_E &= d_1 \end{aligned} \quad (0.25 \text{ đ})$$

d. Xác định giá trị các biến khớp

Từ lời giải trong bài toán thuận ở trên, ta có

$$\begin{aligned} d_1 &= z_E \\ \theta_2 &= \arctan\left(\frac{{}^0y_E}{l_2}, \frac{{}^0x_E}{l_2}\right) \end{aligned} \quad (0.5 \text{ đ})$$

và điều kiện để nghiệm của bài toán ngược luôn luôn tồn tại là:

$$y_E^2 + x_E^2 = l_2^2 \quad (0.5 \text{ đ})$$

Câu 4 (1.0 điểm)

Theo định nghĩa, ma trận Jacobian ${}^0\mathbf{J}(\theta)$ được biểu diễn như sau:

$${}^0\mathbf{J} = \begin{bmatrix} \frac{\partial x}{\partial \theta_1} & \frac{\partial x}{\partial \theta_2} & \frac{\partial x}{\partial \theta_3} \\ \frac{\partial y}{\partial \theta_1} & \frac{\partial y}{\partial \theta_2} & \frac{\partial y}{\partial \theta_3} \\ \frac{\partial z}{\partial \theta_1} & \frac{\partial z}{\partial \theta_2} & \frac{\partial z}{\partial \theta_3} \end{bmatrix} \quad (0.25 \text{ đ})$$

Từng thành phần trong ma trận trên là đạo hàm từng phần các thành phần x , y , và z .

Đạo hàm thành phần x theo các biến khớp, ta có:

$$\frac{\partial}{\partial \theta_1} x = -l_3 \sin(\theta_1) \cos(\theta_2 + \theta_3) - l_2 \sin(\theta_1) \cos(\theta_2)$$

$$\frac{\partial}{\partial \theta_2} x = -l_3 \cos(\theta_1) \sin(\theta_2 + \theta_3) - l_2 \cos(\theta_1) \sin(\theta_2)$$

$$\frac{\partial}{\partial \theta_3} x = -l_3 \cos(\theta_1) \sin(\theta_2 + \theta_3)$$

(0.25 đ)

Đạo hàm thành phần y theo các biến khớp, ta có:

$$\frac{\partial}{\partial \theta_1} y = l_3 \cos(\theta_1) \cos(\theta_2 + \theta_3) + l_2 \cos(\theta_1) \cos(\theta_2)$$

$$\frac{\partial}{\partial \theta_2} y = -l_3 \sin(\theta_1) \sin(\theta_2 + \theta_3) - l_2 \sin(\theta_1) \sin(\theta_2)$$

$$\frac{\partial}{\partial \theta_3} y = -l_3 \sin(\theta_1) \sin(\theta_2 + \theta_3)$$

(0.25 đ)

Đạo hàm thành phần z theo các biến khớp, ta có:

$$\frac{\partial}{\partial \theta_1} z = 0$$

$$\frac{\partial}{\partial \theta_2} z = -l_3 \cos(\theta_2 + \theta_3) - \cos(\theta_2) l_2$$

$$\frac{\partial}{\partial \theta_3} z = -l_3 \cos(\theta_2 + \theta_3)$$

(0.25 đ)